

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIÊN LÃNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2022/HNGĐ-ST

Ngày 31-5-2022

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN LÃNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Nhòng;

Ông Phạm Văn Tiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Ngọc Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 01/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2022 và và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2022/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Dương Văn T, sinh năm 19xx; nơi cư trú: Thôn N, xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng; có mặt.

2. Bị đơn: Chị Đào Thị T, sinh năm 19xx; nơi cư trú: Thôn N, xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Dương Văn T trình bày: Anh và chị Đào Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng ngày 28-02-2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến đầu năm 20xx thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, khác nhau về quan điểm sống và không tôn trọng nhau nên thường xảy ra xô xát, cãi vã. Từ đầu năm 2021 đến nay, anh và chị T đã sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Nay, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết cho

anh được ly hôn chị T. Anh và chị T có 03 con chung là Dương Thế A, sinh ngày 02-11-20xx; Dương Tuệ N, sinh ngày 04-02-20xx và Dương Thế V, sinh ngày 25-5-20xx; anh đề nghị được nuôi hai con chung Thế A và Tuệ N, đồng ý để chị T nuôi con chung Thế V. Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng cho con và tài sản chung.

Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là chị Đào Thị T trình bày: Ngày 29-12-2021, chị và anh T cùng làm đơn yêu cầu Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn với nội dung: Chị và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng ngày 28-02-2012. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 20xx thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị và anh T không hợp nhau, khác nhau về quan điểm sống và không tôn trọng nhau nên thường xuyên xảy ra xô xát, bất hòa. Từ đầu năm 2021 đến nay, chị và anh T đã sống ly thân và không quan tâm đến nhau. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh T được thuận tình ly hôn; chị nhận nuôi con Dương Thế V; đồng ý để anh T nuôi con Dương Thế A và Dương Tuệ N; không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng cho con và tài sản chung.

Sau đó vì thương con, mong muốn các con được sống với cả bố và mẹ nên chị không đồng ý thuận tình ly hôn, chị không đến hòa giải theo yêu cầu của Tòa án. Do anh T vẫn giữ quan điểm ly hôn với chị nên Tòa án đã thụ lý vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định pháp luật. Việc anh T kiên quyết ly hôn chị là quyền của anh T, chị đề nghị Tòa án giải quyết theo yêu cầu của anh T. Trường hợp phải ly hôn, chị được biết con chung Dương Thế A và Dương Tuệ N có nguyện vọng muốn ở với chị và chị cũng rất muốn nuôi cả 03 con chung nhưng vì điều kiện của chị hiện nay rất khó khăn, không có chỗ ở ổn định, không có kinh tế nên không có khả năng nuôi cả 03 con chung; chị đề nghị được nuôi con Dương Thế V và đồng ý để anh T nuôi con Thế A và Tuệ N. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng cho con và tài sản chung.

Tòa án đã thu thập chứng cứ đối với gia đình, chính quyền địa phương về quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị T, thể hiện: Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại thôn N, xã K, huyện Tiên Lãng và hòa thuận, hạnh phúc đến năm 20xx thì phát sinh mâu thuẫn. Gia đình đã Nều lần hòa giải mâu thuẫn giữa anh chị nhưng không có kết quả. Từ đầu năm 2021 đến nay, anh chị sống ly thân và không quan tâm đến nhau. Nay, anh T xin ly hôn, đề nghị Tòa án hòa giải để anh chị đoàn tụ, trường hợp không hòa giải được thì giải quyết theo quy định pháp luật. Anh chị có 03 con chung là Dương Thế A, Dương Tuệ N và Dương Thế V.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đúng nghĩa vụ của mình, không có mặt theo các quyết định của Tòa án, vì

phạm khoản 15, khoản 16 Điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đã thụ lý đúng thẩm quyền và xác định đúng quan hệ pháp luật của vụ án là về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

Về hôn nhân, mâu thuẫn tình cảm giữa anh T và chị T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vi phạm Điều 19, Điều 21 của Luật Hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T được ly hôn chị T; giao hai con chung là Dương Thế A và Dương Tuệ N cho anh T nuôi; giao con chung là Dương Thế V cho chị T nuôi. Không giải quyết về cấp dưỡng cho con và tài sản chung. Anh T là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm; anh T, chị T có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc thụ lý vụ án: Ngày 04-01-2022, Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng thụ lý việc dân sự số 01/2022/TLST-HNGĐ về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn giữa anh Dương Văn T và chị Đào Thị T. Ngày 25-01-2022, Tòa án thông báo về phiên hòa giải nhưng chị T không tham gia hòa giải, không có lý do mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ. Anh T vẫn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, con chung với chị T. Căn cứ khoản 5 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đình chỉ giải quyết việc dân sự về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn và thụ lý vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa nguyên đơn là anh Dương Văn T và bị đơn là chị Đào Thị T.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Anh Dương Văn T khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con với chị Đào Thị T tại Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng. Bị đơn là chị T cư trú tại xã K, huyện Tiên Lãng nên căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng.

[3] Về việc vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, bị đơn là chị T vắng mặt lần thứ 2 không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T.

- Về quan hệ hôn nhân:

[4] Anh T và chị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng ngày 28-02-2012 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Anh T trình bày phù hợp với các tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được có trong hồ sơ vụ án đã làm rõ: Sau khi kết hôn, anh chị sống chung tại thôn N, xã K, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 20xx thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị không hợp nhau, khác nhau về quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên xô xát, bất hòa. Từ đầu năm 2021 đến nay, anh chị sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau. Chị T thừa nhận vợ chồng mâu thuẫn và hiện đang sống ly thân nhưng vì thương con, mong muốn con chung được sống với cả bố và mẹ nên chị không đồng ý ly hôn; việc anh T xin ly hôn là quyền của anh T, chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa, anh T thừa nhận hôn nhân trên thực tế giữa anh và chị T đã không còn tồn tại, tình cảm anh dành cho chị đã hết nên anh vẫn kiên quyết ly hôn chị T.

[6] Căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả xác minh, xét thấy: Anh T và chị T đã không còn yêu thương, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc gia đình; không chung sống với nhau; không tôn trọng và giữ gìn danh dự cho nhau; vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng được quy định tại Điều 19 và Điều 21 của Luật Hôn nhân và gia đình. Như vậy, mâu thuẫn giữa anh T và chị T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của anh T được ly hôn chị T.

[7] Về con chung: Anh chị có 03 con chung là Dương Thế A, sinh ngày 02-11-20xx; Dương Tuệ N, sinh ngày 04-02-20xx và Dương Thế V, sinh ngày 25-5-20xx. Xét thấy, việc nuôi dưỡng, chăm sóc, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của con chung hai bên cha mẹ đều có tình cảm, quyền và trách Nệm như nhau. Mặc dù hai con chung là Thế A và Tuệ N có nguyện vọng ở với chị T nhưng chị T thừa nhận vì khó khăn về chỗ ở và kinh tế nên chị chỉ đủ điều kiện nuôi một con và đề nghị được nuôi con Thế V; đồng ý để anh T nuôi con Thế A và Tuệ N. Anh T trình bày có đủ điều kiện để nuôi hai con Thế A, Tuệ N và đồng ý để chị T nuôi con Thế V.

Để đảm bảo sự ổn định về mặt tâm lý, sự phát triển về mọi mặt của con, cũng như căn cứ vào điều kiện và thỏa thuận về việc nuôi con giữa anh T và chị T nên căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình giao hai con Thế A và Tuệ N cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng; giao con Thế V cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng; thời hạn nuôi con kể từ ngày 31-5-2022 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, anh T và chị T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về tài sản chung: Anh T và chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về án phí: Anh T là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[10] Về quyền kháng cáo: Anh T và chị T có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Dương Văn T được ly hôn chị Đào Thị T.

2. Về con chung: Anh T trực tiếp nuôi hai con chung là Dương Thế A, sinh ngày 02-11-20xx và Dương Tuệ N, sinh ngày 04-02-20xx; chị T trực tiếp nuôi con chung là Dương Thế V, sinh ngày 25-5-20xx. Việc cấp dưỡng cho con anh T, chị T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Thời hạn nuôi con tính từ ngày 31-5-2022 đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Anh T và chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006152 ngày 04 tháng 01 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng. Anh T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Anh T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Chị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận

được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Tiên Lãng;
- Chi cục THADS huyện Tiên Lãng;
- UBND xã K, huyện T;
- (Đăng ký kết hôn năm 2012);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Tùng

